

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHONG  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 8 - 2022

V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đồng Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trọng Di.
2. Ông Lê Hưng Quang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Lâm Đa Cha, Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Lục Thị Minh T, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố a, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố a, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:* Bà Lục Thị Minh T và ông Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2000, đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Tuy Phong theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 quyển số III ngày 22/10/2008. Thời gian đầu vợ chồng còn hạnh phúc, chung sống được vài năm thì bà T ông S thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống nhưng vì con nên bà T nhẫn nhịn, tiếp tục chung sống. Đến nay mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra, tuy sống chung nhà nhưng bà T ông S không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau, sau khi Tòa án giải quyết cho ly hôn bà T sẽ chuyển đi chỗ khác sống. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Về hôn nhân: Bà Lục Thị Minh T ly hôn ông Nguyễn Văn S.
- + Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông S có 02 con chung là Nguyễn Thanh H1 sinh năm 2001 (đã thành niên), Nguyễn Thanh H sinh ngày 23/12/2007, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thanh H, không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.
- + Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông S nhưng ông S từ chối nhận văn bản tố tụng và không có mặt tại tòa để trình bày ý kiến.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn không có mặt tại Tòa án.

Ngày 10/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành xác minh tại khu phố 11, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, kết quả như sau: Ông Nguyễn Văn S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 11, thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Về tình trạng hôn nhân: Ông S, bà T vẫn còn sống chung trong 01 nhà nhưng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Về con chung, ông S và bà T có 02 con chung là Nguyễn Thanh H1 sinh năm 2001 (đã thành niên), Nguyễn Thanh H sinh ngày 23/12/2007, hiện đang sống chung nhà.

#### **Tại phiên tòa sơ thẩm:**

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:*

Về việc tuân theo pháp luật, thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thanh H1 sinh năm 2001 (đã thành niên), Nguyễn Thanh H sinh ngày 23/12/2007, đề nghị giao con chung Nguyễn Thanh H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lục Thị Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn S và tranh chấp nuôi con chung do đó Tòa án thấy rằng đây là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lục Thị Minh T và ông Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của nguyên đơn và biên bản xác minh tại địa phương thì bà T và ông S tuy sống chung 01 nhà nhưng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn ông S. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông S đến giải quyết nhưng ông S không chấp hành, điều này chứng tỏ ông S không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Như vậy tình trạng hôn nhân của bà T và ông S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Bà T và ông S có 02 con chung là Nguyễn Thanh H1 sinh năm 2001 (đã thành niên), Nguyễn Thanh H sinh ngày 23/12/2007. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông S không đến tòa để trình bày ý kiến, con chung Nguyễn Thanh H có nguyện vọng được với mẹ nên giao con chung là Nguyễn Thanh H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lục Thị Minh T được ly hôn ông Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thanh H1 sinh năm 2001 (đã thành niên), Nguyễn Thanh H sinh ngày 23/12/2007, giao con chung là Nguyễn Thanh H cho bà Lục Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Lục Thị Minh T là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003218 ngày 19/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong. Bà Lục Thị Minh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn L, huyện Tuy Phong  
(CNKH số 47 quyền số III ngày 22/10/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đồng Vũ**